TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 459/2019/DS-ST
Ngày: 22/10/2019.
v/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Lê Thị Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền– Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 347/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; trụ sở: Số C đường T, phường L, quận H, TP. Hà Nội;

Chi nhánh: Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T; địa chỉ: Khu chế xuất L, phường L, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng V – Chức vụ: Phó ban xử lý và thu hồi nợ

Địa chỉ: Khu chế xuất L, phường L, quận T, TP. Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 32/UQ-TĐU-KH, ngày 05/6/2018) (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc G; địa chỉ: Số X đường P, Phường A, quận G, TP.Hồ Chí Minh; tạm trú: Số D đường H, Phường Y, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vương Mạnh H; địa chỉ: C Chung cư C đường N, Phường Q, quận B, TP. Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 19/10/2018) *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, những người đại hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/01/2014, Ông Nguyễn Ngọc G có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh T theo Hợp đồng tín dụng số 038/042/14/0000021 ông G vay Ngân hàng TMCP N (Sau đây được viết tắt là Ngân hàng) số tiền 4.300.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày ông G rút khoản vốn vay đầu tiên, cụ thể là ngày 22/01/2014 ông G đã nhận đủ khoản tiền vay của Ngân hàng (Thể hiện tại Giấy nhận nợ số 01 ngày 22/01/2014), thời hạn trả nợ 01 tháng/lần theo lịch trả nợ đính kèm. Lãi suất cho vay trong hạn là 12,60%/năm và lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để bảo đảm cho khoản nợ ông G đã ký Hợp đồng thế chấp số 01.042.2014.0018 ngày 20/01/2014, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Sở tài nguyên và Môi trường) Quận 7, TP. Hồ Chí Minh ngày 21/01/2014. Theo đó, ông G đã thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của ông G bao gồm toàn bộ nhà và đất tọa lạc tại số A đường T, phường T, Quận C, TP. Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ số 03413/2003 do UBND Quận 7, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/2003 và toàn bộ nhà đất tọa lạc tại số K, phường T, Quận C, TP. Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ số 06176/2003 do UBND Quận 7, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 18/12/2003. Các tài sản thế chấp nêu trên đồng thời là tài sản bảo đảm nghĩa vụ khoản vay vốn của Công ty CPTM và DV Đầu tư N (Ông Nguyễn Ngọc G làm giám đốc) đối với Ngân hàng TMCP N theo Hợp đồng tín dụng số 038/042/13/0000511 ngày 26/12/2013 đính kèm phụ lục số 01 ngày 15/01/2014 và Hợp đồng thế chấp 01.042.2014.0012 ngày 15/01/2014 có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Sở tài nguyên và Môi trường) Quận 7, TP. Hồ Chí Minh ngày 20/01/2014.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ngày 22/01/2014 Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 4.300.000.000 đồng cho ông G. Sau khi nhận khoản tiền vay ông G có thanh toán cho Ngân hàng được số nợ gốc là 1.153.400.000 đồng và tiền lãi là 582.462.240 đồng, trong đó lãi trong hạn 582.137.074 đồng và lãi quá hạn là 325.193 đồng. Sau đó ông G ngưng

không trả nợ nữa. Do đó, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn, ngày 04/2/2015 là đợt chuyển nợ quá hạn đầu tiên. Mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở ông G thực hiện việc trả nợ nhưng ông G vẫn tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng.

Ngày 28/6/2016 ông G đồng ý ký kết thỏa thuận xử lý tài sản đảm bảo để bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý theo phương thức đấu giá. Ngày 08/12/2017 các tài sản thế chấp trên đã được bán đấu giá phiên thứ 8 với giá bán là 22.840.000.000 đồng. Số tiền thu được từ việc đấu giá tài sản bảo đảm sau khi trừ các khoản thù lao, chi phí đấu giá, thuế thu nhập cá nhân…Ngân hàng ưu tiên thu một phần nợ gốc của Công ty CPTM và DV Đầu tư N(theo bản thỏa thuận xử lý tài sản bảo đảm theo phương thức bán đấu giá ngày 28/6/2016) với số tiền 22.307.222.900 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 038/042/13/0000511 ngày 26/12/2013 đính kèm phụ lục số 01 ngày 15/01/2014 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.042.2014.0012 ngày 15/01/2014. Do đó, toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của ông G theo Hợp đồng tín dụng số 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014 không còn tài sản bảo đảm.

Nay Ngân hàng TMCP N yêu cầu Ông Nguyễn Ngọc G có trách nhiệm trả tổng số nợ tạm tính đến ngày 22/10/2019 là 5.169.350.912 đồng, trong đó nợ gốc là 3.146.600.000 đồng; lãi trong hạn là 1.302.797.022 đồng và lãi quá hạn là 719.953.890 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014.Trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 23/10/2019 Ngân hàng yêu cầu ông G tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này.

Ngân hàng TMCP N xác nhận giao dịch theo Hợp đồng tín dụng 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014 là giao dịch giữa Ngân hàng với cá nhân Ông Nguyễn Ngọc G. Vì vậy, Ngân hàng chỉ khởi kiện ông G yêu cầu trả nợ và không yêu cầu Bà Lê Thị T trước đây là vợ ông G (nay đã ly hôn) hay bất kỳ cá nhân nào khác cùng chịu trách nhiệm trả nợ trong vụ kiện này.

Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết Hợp đồng thế chấp số 01.042.2014.0018 ngày 20/01/2014 do không còn tài sản bảo đảm.

Tại bản khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Nguyễn Ngọc G là bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn là Ông Vương Mạnh H trình bày:

Vào ngày 20/01/2014 ông G có ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn, số Hợp đồng tín dụng số 038/042/14/0000021 với Ngân hàng TMCP N. Theo nội dung thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng trên ông có vay của Ngân hàng số tiền 4.300.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Ngày 22/01/2014 ông G

đã nhận đủ khoản tiền vay của Ngân hàng (Theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 22/01/2014). Lãi suất cho vay trong hạn là 12,60%/năm và lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, theo thỏa thuận mỗi tháng ông phải trả nợ 01 lần theo lịch trả nợ Ngân hàng thông báo. Để bảo đảm cho khoản nợ vay ông G đã thế chấp nhà và đất cho Ngân hàng, cụ thể theo Hợp đồng thế chấp số 01.042.2014.0018 ngày 20/01/2014 ông G đã thế chấp là toàn bộ nhà và đất tọa lạc tại số A đường T, phường T, Quận C, TP. Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ số 03413/2003 do UBND Quận 7, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/2003 và toàn bộ nhà đất tọa lạc tại số K, phường T, Quận C, TP. Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ số 06176/2003 do UBND Quận 7, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 18/12/2003. (Những tài sản thế chấp trên đồng thời là tài sản đảm bảo nghĩa khoản vay vốn của Công ty CPTM và DV Đầu tư N với Ngân hàng Ngoại thương V).

Quá trình thực hiện Hợp đồng ông G đã thanh toán cho Ngân hàng được số nợ gốc là 1.153.400.000 đồng và lãi trong hạn 574.612.074 đồng. Do việc làm ăn gặp khó khăn nên từ ngày 03/02/2015 ông đã chậm trễ việc thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Hiện nay ông chưa ổn định về kinh tế, vì vậy không có khả năng thanh toán khoản nợ làm một lần như yêu cầu của Ngân hàng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông G trả nợ, ông cũng thừa nhận khoản nợ vay và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán như Ngân hàng đã khởi kiện.Việc Ngân hàng yêu cầu ông thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh, do hiện nay ông gặp khó khăn ông đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ khoản tiền lãi trên cho ông và ông xin được trả số nợ gốc 3.146.600.000 đồng.Thời hạn trả nợ là 24 tháng, chia đều số nợ gốc và ông trả dần hàng tháng. Trường hợp ông vi phạm không thực hiện trả nợ của kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận, ông đồng ý để Ngân hàng TMCP N thu hồi ngay lập tức toàn bộ số nợ còn lại và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số dụng số 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014.

Ông G xác nhận khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trên là giao dịch giữa cá nhân ông với Ngân hàng. Bà Lê Thị T trước đây là vợ ông G (nay đã ly hôn) không liên quan và không có bất kỳ cá nhân nào khác liên quan đến vụ kiện. Vì vậy, cá nhân ông chịu trách nhiệm trong việc thanh toán nợ cho Ngân hàng và đề nghị Tòa án không đưa bà Thành cũng như cá nhân nào khác tham gia vụ kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện ông H là người đại diện hợp pháp trình bày: Những lời trình bày của người đại diện Ngân hàng Ngoại thương về khoản nợ vay, quá trình thực hiện hợp đồng và số tiền ông G đã thanh toán cho Ngân hàng cũng như việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông G thanh toán khoản nợ gốc và lãi phát sinh ông không có ý kiến. Ông đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ khoản nợ lãi cho ông G và cho ông G được thanh toán khoản nợ gốc trong thời hạn 30 tháng kể từ ngày quyết định, bản án của

Tòa có hiệu lực pháp luật. Ngoài phương án đề nghị trả nợ trên, ông H thống nhất với những lời trình bày của ông G trong quá trình làm việc trước đây tại Tòa án. Trường hợp phía Ngân hàng không đồng ý với phương án trả nợ ông đã đề nghị thì Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên cùng nhau thỏa thuận giải quyết vụ kiện nhưng không thành, cũng như theo yêu cầu của các đương sự Tòa án để cho hai bên có thời gian tự thương lượng hòa giải với nhau nhưng vẫn không có kết quả, Tòa án tiếp tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã gửi thông báo kết quả các phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng) cho người đại diện hợp pháp của bị đơn. Do Tòa án không tiến hành hòa giải được nên đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bảo lưu các ý kiến đã trình bày trong quá trình làm việc tại Tòa án.

Bị đơn, do Ông Vương Mạnh H là người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; lấy lời khai của đương sự theo quy định tại điều 97, 98 và điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ Điều 170 đến Điều 181, Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng không thành, Thẩm phán đã lập biên bản và thông báo cho người vắng mặt đúng theo quy định tại Điều 205, 208, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn quy định tại Điều 203 và chuyển hồ sơ, Quyết định xét xử cho Viện kiểm sát đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật như: Nguyên tắc xét

xử, thành phần của Hội đồng cũng như đương sự giữ nguyên quan điểu yêu cầu có trong hồ sơ vụ án đúng quy định tại các Điều 222, 223 và thủ tục phiên tòa đúng theo quy định Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ quy định của Bộ luật dân sự năm 2005. Căn cứ Nghị quyết 01/2019 hướng dẫn áp dụng quy định về lãi và phạt vi phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí bị đơn chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP N có đơn khởi kiện yêu cầu Ông Nguyễn Ngọc G trả khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014. Đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 22/10/2019 là 5.169.350.912 đồng, trong đó nợ gốc là 3.146.600.000 đồng; lãi trong hạn là 1.302.797.022 đồng và lãi quá hạn là 719.953.890 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014, Giấy nhận nợ ngày 22/01/2014, Hợp đồng thế chấp số 01.042.2014.0018 ký kết ngày 20/01/2014; lời khai của những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, cũng như lời trình bày của các đương sự đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng TMCP N và Ông Nguyễn Ngọc G có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng số 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014. Nội dung thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cho ông G vay số tiền là 4.300.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, ngày 22/01/2014. Lãi suất cho vay trong hạn là 12,60%/năm và lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn

trả nợ 01tháng/lần theo lịch trả nợ đính kèm và trả tiền lãi vào ngày 26 hàng tháng. Mục đích vay mua nhà. Hình thức cho vay có bảo đảm bằng tài sản là nhà đất theo Hợp đồng thế chấp số 01.042.2014.0018 ký kết ngày 20/01/2014 tại Văn phòng công chứng Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật. Xét nội dung thoả thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, thể hiện quá trình thực hiện Hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền 4.300.000.000 đồng và ông G đã nhận đủ số tiền vay trên theo giấy nhận nợ ngày 22/01/2014. Sau khi vay, ông G trả được số nợ gốc là 1.153.400.000 đồng và tổng lãi là 582.462.240 đồng, trong đó lãi trong hạn 582.137.047 đồng và lãi quá hạn là 325.193 đồng, do trước đây trong quá trình làm việc do có sự nhầm lẫn về số liệu đã xác định số nợ lãi trong hạn ông G đã thanh toán là 574.612.074 đồng, sau khi đối chiếu với các bản sao kê hồ sơ vay và có sự xác nhận của Ngân hàng về khoản nợ lãi trong hạn và quá hạn ông G đã thanh toán cho Ngân hàng là 582.462.240 đồng. Do ông G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn, ngày 04/2/2015 là đợt chuyển nợ quá hạn đầu tiên, Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông G thanh toán nhưng ông G không thực hiện việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện việc nghĩa vụ trả nợ vay và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng là phù hợp với nội dung giao dịch mà các bên thỏa thuận.

[3] Bị đơn Ông Nguyễn Ngọc G cũng thừa nhận khoản nợ vay cũng như tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng đã khởi kiện, thể hiện tại bản khai của ông G và tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/10/2018. Tuy nhiên, bị đơn trình bày do hiện tại gặp khó khăn về kinh tế nên xin được trả dần nợ gốc với phương án chia đều nợ gốc và trả đều hàng tháng, thực hiện việc trả nợ trong thời hạn 24 tháng và xin miễn toàn bộ khoản nợ lãi. Quá trình giải quyết vụ kiện người đại diện hợp pháp của bị đơn Ông Vương Mạnh H không có ý kiến đối với khoản nợ vay và tiền lãi phát sinh mà Ngân hàng đã khởi kiện. Ông H người đại diện của bị đơn có ý kiến xin được trả dần số nợ gốc với phương án chia đều nợ gốc trả đều hàng tháng, hạn trả nợ 30 tháng và xin được miễn toàn bộ khoản nợ lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Người đại diện của nguyên đơn không chấp nhận phương án trả nợ cũng như không đồng ý miễn toàn bộ khoản bộ nợ lãi cho bị đơn như đã đề nghị. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014 tính đến 22/10/2019 là 5.169.350.912 đồng, trong đó nợ gốc là 3.146.600.000 đồng; lãi trong hạn là 1.302.797.022 đồng và lãi quá hạn là 719.953890 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014 là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao *"...kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay"*. Do đó, kể từ ngày 23/10/2019 Ông Nguyễn Ngọc G phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, Ông Nguyễn Ngọc G vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N, buộc Ông Nguyễn Ngọc G thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014 với tổng số tiền tính đến ngày 22/10/2019 là 5.169.350.912 đồng, trong đó nợ gốc là 3.146.600.000 đồng;

Lãi trong hạn là 1.302.797.022 đồng và lãi quá hạn là 719.953.890 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014.Trả làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 23/10/2019 ông G tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[6] Đối với Hợp đồng thế chấp số 01.042.2014.0018 ký kết ngày 20/01/2014, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết do tài sản đảm bảo cho khoản nợ vay của ông G theo Hợp đồng thế chấp trên không còn và bị đơn cũng không có yêu cầu đối với Hợp đồng thế chấp trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Ngân hàng và ông G đều xác nhận Hợp đồng tín dụng số 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014 là giao dịch do cá nhân ông G xác lập với Ngân hàng, nên khoản nợ vay và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trên là khoản nợ riêng của cá nhân ông G đối với Ngân hàng TMCP N. Do đó, Ngân hàng khởi kiện chỉ yêu cầu cá nhân ông G chịu trách nhiệm trong việc trả nợ cho Ngân hàng mà không yêu cầu Bà Lê Thị T (vợ ông G đã ly hôn) hay bất kỳ cá nhân nào khác cùng chịu trách nhiệm trả khoản nợ vay là phù hợp với nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của Pháp luật về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là là 5.169.350.912 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu (112.000.000 đồng + 0.1% giá trị của tài sản tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng) = 113.169.350 đồng.

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.214.087 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0029810 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc Ông Nguyễn Ngọc G trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/10/2019 là 5.169.350.912đ (Năm tỷ một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm năm mươi nghìn chín trăm mười hai đồng), trong đó nợ gốc là 3.146.600.000 đồng; lãi trong hạn là 1.302.797.022 đồng và lãi quá hạn là 719.953.890 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 038/042/14/0000021 ngày 20/01/2014.Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/10/2019 ông G tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đối với Hợp đồng thế chấp số 01.042.2014.0018 ngày 20/01/2014. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc G phải chịu án phí sơ thẩm 113.169.350 đồng (Một trăm mười ba triệu một trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm năm mươi đồng)

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.214.087 (Năm mươi sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn không trăm tám mươi bảy đồng), theo biên lai thu số AA/2017/0029810 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò

Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thành Huế